TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước.**
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành.**

Thư ký Tòa án: Bà **Nguyễn Thị Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Lý Thị Nên** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, về việc: ***"Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tăng Th.Nh - sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn V.Đ - sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Th.M và ông Nguyễn V.D. Cùng địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Nguyễn K.Th**.** Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Nguyễn V.K**.** Địa chỉ: Ấp P, xã x, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Nguyễn Th.Th và anh Nguyễn V.T**.** Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chị Võ Th.Nh và anh Huỳnh V.Th. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án chị Tăng Th.Nh trình bày và yêu cầu:

- Về Hôn nhân: Chị Tăng Th.Nh và anh Nguyễn V.Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đời sống chung có Nều mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, nên chị Nh yêu cầu ly hôn anh Đ.

- Về con: Chị Nh và anh Đ có hai con chung đang sống chung với chị Nh là cháu Nguyễn Th.C – sinh ngày 25 tháng 7 năm 2010 và cháu Nguyễn V.T – sinh ngày 13 tháng 9 năm 2017. Chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Ngày 28 tháng 02 năm 2019 chị Nh rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung:

+ Về tài sản: Chị Nh yêu cầu chia Đi trị giá 280 con cá sấu, 5.500.000đ cho bà Mai và ông Diễn mượn và 05 chỉ vàng 24k cho chị Thoại mượn. Ngày 03 tháng 6 năm 2019 chị Nh rút yêu cầu chia toàn bộ tài sản chung đối với anh Đ.

+ Về nợ: Chị Nh yêu cầu anh Đ cùng có nghĩa vụ trả nợ chung với chị Nh đối với nợ chị Th và anh T là 200.000.000đ và nợ chị N với anh Th là 30.000.000đ. Ngày 03 tháng 6 năm 2019 chị Nh rút yêu cầu chia nợ chung đối với anh Đ.

* Bị đơn anh Đ trình bày:

- Về hôn nhân anh Đ thống nhất với chị Nh về thời gian sống chung và có đăng ký kết hôn. Anh Đ cho rằng còn thương chị Nh, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

- Về con: Anh Đ trình bày thống nhất với chị Nh về con chung. Anh Đ đồng ý giao hai con chung cho chị Nh nuôi, anh Đ không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản:

+ Anh Đ xác định 280 con cá sấu anh và chị Nh đã chia xong, không có 5.500.000đ cho bà Mai mượn như chị Nh trình bày.

+ Đối với 05 chỉ vàng 24k cho chị Thoại mượn thì anh Đ xác định do anh Đ có một mình mượn chị Thoại 19.000.000đ và cũng đã tự ý trừ ngang với 05 chỉ vàng 24k đã cho chị Thoại mượn, nên không ai nợ ai. Hiện tại anh Đ và chị Nh không còn tài sản chung.

- Về nợ: Anh Đ xác định vợ chồng không có nợ 230.000.000đ như chị Nh trình bày, ngoài ra cũng không có nợ ai.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:

- Chị Nguyễn Th.Th và anh Nguyễn V.T xác định chị Nh và anh Đ có nợ vợ chồng anh, chị số tiền vay 200.000.000đ, nhưng chị Th và anh T không có yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200.000.000đ trong vụ án này.

- Chị N và anh Th xác định chị Nh và anh Đ có nợ vợ chồng anh, chị 30.000.000đ, chị N và anh Th không có yêu cầu độc lập đối với số tiền này.

- Bà Trương Th.M và ông Nguyễn V.D đã được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng không có mặt tại Tòa án, không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu đòi 5.500.000đ của chị Nh.

- Chị Nguyễn K.Th và anh Nguyễn V.K đã được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng không có mặt tại Tòa án, không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với vụ án.

**** Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt, không có nộp văn bản thể hiện ý kiến khác với ý kiến đã trình bày tại Tòa án.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chị Nh, chị Th, anh T, chị N và anh Th đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng anh Đ, bà Mai, ông Diễn, chị Thoại và anh Kết vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Tăng Th.Nh được ly hôn anh Nguyễn V.Đ.

+ Về con: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Th.C – sinh ngày 25 tháng 7 năm 2010 và cháu Nguyễn V.T – sinh ngày 13 tháng 9 năm 2017 cho chị Nh nuôi dưỡng; Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nh đối với anh Đ.

+ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Nh.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Chị Nh và anh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chị Nh yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nh.

- Chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Th.C – sinh ngày 25 tháng 7 năm 2010 và cháu Nguyễn V.T – sinh ngày 13 tháng 9 năm 2017 khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao hai con chung cho chị Nh nuôi.

- Chị Nh rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, rút toàn bộ yêu cầu về tài sản và nợ.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu độc lập đối với các khoản nợ mà chị Nh rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tăng Th.Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V.Đ, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Nh, chị Th, anh T, chị N và anh Th có đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Đ, bà Mai, ông Diễn, chị Thoại và anh Kết đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh Đ: Chị Nh và anh Đ tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do cuộc sống chung có Nều mâu thuẫn, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc nên chị Nh cương quyết muốn ly hôn anh Đ. Mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn chị Nh, nhưng hôn nhân phải được xây dựng bằng tình cảm của cả vợ và chồng, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra được phương án hàn gắn hôn nhân để chị Nh đồng ý, đến thời điểm này chị Nh vẫn cương quyết xin ly hôn anh Đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014 cho chị Nh được ly hôn anh Đ.

[4] Xét về con chung:

[4.1] Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Nh và anh Đ trình bày thống nhất là anh chị có hai con chung, đồng thời thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Th.C – sinh ngày 25 tháng 7 năm 2010 và cháu Nguyễn V.T – sinh ngày 13 tháng 9 năm 2017 cho chị Nh nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình giao cháu C và cháu T cho chị Nh trực tiếp nuôi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[4.2] Về cấp dưỡng: Do chị Nh rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nh.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

[5.1] Về tài sản: Anh Đ xác định anh và chị Nh không có tài sản chung, còn chị Nh thì rút yêu cầu chia tài sản chung đối với 280 con cá sấu, số tiền 5.500.000đ và 05 chỉ vàng 24k, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị Nh về tài sản chung.

[5.2] Về nợ: Chị Nh xác định chị và anh Đ có nợ vợ chồng chị Th và anh T 200.000.000đ, nợ chị N và anh Th 30.000.000đ; Anh Đ không thừa nhận có nợ như chị Nh trình bày; Chị Nh rút toàn bộ yêu cầu chia nợ chung với anh Đ, đồng thời chị Th, anh T, chị N và anh Th cũng đồng ý việc chị Nh rút yêu cầu chia nợ chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của chị Nh.

[6] Về án phí trong vụ án: Buộc chị Tăng Th.Nh phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Nh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 2.047.000đ.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8; 9; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tăng Th.Nh đối với anh Nguyễn V.Đ, chị Tăng Th.Nh được ly hôn anh Nguyễn V.Đ.

2. Về quyền trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao con chung của chị Tăng Th.Nh và anh Nguyễn V.Đ là cháu Nguyễn Th.C – sinh ngày 25 tháng 7 năm 2010 và cháu Nguyễn V.T – sinh ngày 13 tháng 9 năm 2017 cho chị Nh trực tiếp nuôi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tăng Th.Nh đối với anh Nguyễn V.Đ.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Tăng Th.Nh đối với các tài sản là 280 con cá sấu, số tiền 5.500.000đ và 05 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ của chị Tăng Th.Nh đối với số tiền 230.000.000đ.

5. Về án phí: Buộc chị Tăng Th.Nh phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Nh đã nộp tạm ứng án phí 2.347.000đ theo biên lai biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0013816 ngày 12 tháng 02 năm 2019, chuyển thu án phí 300.000đ, chị Nh được nhận lại số tiền 2.047.000đ.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án

theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang